

Theo dấu dòng tiền

TOP CỔ PHIẾU

Ngày 04 tháng 09, 2026

Xem thêm



Bộ phận Phân tích & Đầu tư
Research & Proprietary trading





- Cổ phiếu có khối lượng giao dịch đột biến phản ánh có dòng tiền mới tham gia.
- Điều này có thể tạo ra sự biến động giá mạnh hơn, đồng nghĩa sẽ xuất hiện cơ hội kiếm lợi nhuận từ chênh lệch giá



STT	Mã	Ngày	Giá đóng cửa	KLGD	KL TB 30P	Gấp TB 30P
1	CAR	03/09/2026	14.9	1.670.200	116.810	14.3
2	DPM	03/09/2026	23.3	11.230.700	2.773.243	04.05
3	DCM	03/09/2026	32.6	8.068.300	2.386.560	3.38
4	DDV	03/09/2026	18.5	863.400	314.857	2.74
5	TCX	03/09/2026	39.4	3.719.800	1.766.293	2.11
6	DGW	03/09/2026	40.9	2.459.100	1.301.967	1.89
7	HSG	03/09/2026	10.65	4.032.700	2.147.027	1.88
8	HSL	03/09/2026	10.4	686.900	384.340	1.79
9	IDC	03/09/2026	32	1.914.800	1.118.163	1.71
10	VCB	03/09/2026	58.7	8.465.900	4.970.984	1.7
11	ACV	03/09/2026	41.3	771.700	511.573	1.51
12	TCB	03/09/2026	32.1	25.003.600	16.736.680	1.49
13	PVC	03/09/2026	12.3	710.000	478.083	1.49
14	PHR	03/09/2026	61.3	542.800	365.530	1.48
15	PLX	03/09/2026	36.2	4.859.200	3.283.817	1.48
16	PVD	03/09/2026	19.35	5.069.800	3.433.373	1.48
17	NAF	03/09/2026	48.5	637.000	432.170	1.47
18	POW	03/09/2026	12.95	9.924.400	6.858.884	1.45
19	SSB	03/09/2026	18.25	3.303.000	2.287.680	1.44
20	VIC	03/09/2026	244.5	7.676.800	5.357.044	1.43
21	VPB	03/09/2026	26.95	21.793.800	15.599.583	1.4
22	DGC	03/09/2026	44.9	998.700	759.470	1.31
23	MSR	03/09/2026	47.5	1.871.500	1.444.870	1.3
24	OIL	03/09/2026	13.9	1.666.300	1.295.833	1.29
25	OCB	03/09/2026	10.9	3.187.300	2.462.730	1.29
26	KDH	03/09/2026	17.6	6.710.000	5.343.270	1.26
27	SBT	03/09/2026	22.85	1.082.000	864.003	1.25
28	MSN	03/09/2026	69	5.466.400	4.395.104	1.24
29	BSR	03/09/2026	26.9	11.633.400	9.399.590	1.24



- Cổ phiếu nằm trên MA200 cho thấy xu hướng dài hạn tích cực và tâm lý thị trường lạc quan.
- Khoảng cách giữa giá đóng cửa và MA200 nhỏ hơn 7% cho thấy cổ phiếu chưa bị mua quá đà, vẫn còn dư địa tăng.



STT	Mã CK	Ngày	Giá đóng cửa	TBKL 10 phiên	RSI(14)	MA 200	% Close - MA200
1	ACB	03/09/2026	22.2	7.729.150	47.77	21.21	4.65
2	BVS	03/09/2026	29.6	853.290	61.89	28.59	3.53
3	GAS	03/09/2026	84	1.937.310	62.08	82.63	1.66
4	HDB	03/09/2026	27.2	10.627.110	53.77	26.34	3.26
5	LPB	03/09/2026	48.8	3.027.530	37.81	45.75	6.68
6	MBB	03/09/2026	20.6	10.598.550	55.97	20.49	0.54
7	ORS	03/09/2026	13.7	3.756.010	46.16	13.55	1.13
8	PVD	03/09/2026	19.35	3.863.000	57.26	18.79	2.98
9	PVS	03/09/2026	39	3.517.150	64.27	38.23	02.03
10	PVT	03/09/2026	20.45	3.921.920	62.63	19.34	5.73
11	SAB	03/09/2026	45	763.810	46.74	44.32	1.53
12	SBT	03/09/2026	22.85	1.256.820	56.29	21.84	04.06
13	TNI	03/09/2026	5.31	972.600	33.88	5.24	1.33
14	TVN	03/09/2026	9.4	531.760	47.65	09.09	3.41
15	VNM	03/09/2026	61.2	3.417.300	49.22	60.45	1.24
16	VPB	03/09/2026	26.95	18.397.070	59.9	26.91	0.16



Đỉnh và đáy là mức kháng cự và hỗ trợ quan trọng của cổ phiếu



Vượt đỉnh 1 năm

STT	Mã CK	Giá	Cao nhất 1 năm	TBKL 10 phiên
1	SSB	18.25	17.1	2.588.890
2	VIC	244.5	242	6505220

Vượt đỉnh 3 tháng nhưng chưa vượt đỉnh 1 năm

STT	Mã	Giá	H13W	KLTB 10 phiên
1	MSR	47.5	47.2	1.799.750
2	TDP	32.4	31.5	284.860

Phá đáy 1 năm

STT	Mã CK	Giá	Thấp nhất 1 năm	TBKL 10 phiên
1	CSC	9.9	9	20.040
2	DAH	2.26	2.2	43.760
3	DVM	4.8	4.7	73.020
4	FIR	3.83	3.82	247.990
5	HBC	3.9	3.5	821.150
6	HUT	12.8	12.7	1.724.390
7	ITD	11.8	11.15	17.320
8	MPC	14.5	13	11.450
9	NTL	12.2	12.2	789.230
10	PAN	19.2	18.75	333.930
11	PDN	87.3	87	24.120
12	RYG	7.9	7.74	90.380
13	TTF	1.69	1.67	462.200
14	TTH	1.9	1.9	93.670
15	VCS	31.5	30.2	51.470

Phá đáy 3 tháng

STT	Mã CK	Giá	Thấp nhất 3 m	TBKL 10 phiên
1	BWE	41.6	42.3	29.960
2	CAP	42.5	43	16.110
3	CSC	9.9	10	20.040
4	HUT	12.8	12.9	1.724.390
5	ITD	11.8	11.85	17.320
6	MPC	14.5	14.6	11.450
7	NAB	11.45	11.55	1.202.070
8	NTL	12.2	12.45	789.230
9	PAN	19.2	19.25	333.930
10	PDN	87.3	88.6	24120
11	POW	12.95	13.1	6.625.770



Cổ phiếu cắt lên trên các đường trung bình có thể phát tín hiệu mua cho một nhịp tăng giá mới

Cắt lên đường trung bình MA200

Cắt lên đường trung bình MA20

STT	Mã	Giá	MA20	KLTB 10 phiên
1	DCM	32.6	31.16	3.022.370
2	VJC	125.6	125.19	1.343.390

Cắt lên đường trung bình MA50

STT	Mã	Giá	MA50	KLTB 10 phiên
1	AAA	07.09	07.03	926.010
2	AAS	08.01	7.82	723.640
3	DCM	32.6	31.7	3022370
4	DGC	44.9	43.67	602.980



Cổ phiếu cắt xuống dưới các đường trung bình phát tín hiệu bán khi giá có thể giảm sâu hơn



Cắt xuống đường trung bình MA200

STT	Mã	Giá	MA200	KLTB 10 phiên
1	DGW	40.9	42	1.524.360
2	DSE	22.55	23.06	641.530
3	HNG	6.5	6.53	697910
4	NVB	12.1	12.3	630.410
5	TCB	32.1	32.39	18.762.920
6	TCO	11	11.19	506.790

Cắt xuống đường trung bình MA50

STT	Mã	Giá	MA50	KLTB 10 phiên
1	ACB	22.02	22.05	7.729.150
2	BID	36.45	36.59	3.240.970
3	CEO	12.9	12.94	7688610
4	CTG	31.5	31.86	6.569.790
5	DBC	17.5	17.1	2.075.680
6	DCL	38.5	38.51	783.140
7	DIG	11.25	11.36	6.646.330
8	MWG	73.2	73.67	2.552.860
9	NVB	12.1	12.47	630410
10	ORS	13.7	13.85	3756010
11	TIG	6	06.05	758490
12	VCB	58.7	58.94	4842940

Cắt xuống đường trung bình MA20

STT	Mã	Giá	MA20	KLTB 10 phiên
1	ACB	22.2	22.31	7.729.150
2	CTG	31.5	31.83	6.569.790
3	DGW	40.9	41.5	1524360
4	DSE	22.55	22.58	641.530
5	DXS	5.85	5.97	2.640.180
7	HDC	11.9	11.96	1012940
8	HPG	21.6	21.77	20786100
9	HSG	10.65	10.78	2418200
10	KDH	17.6	17.97	5376740
11	MWG	73.2	73.38	2552860
12	SHS	15.4	15.56	11907500
13	TCX	39.4	40.12	2100510
14	TPB	14.5	14.57	6489540
15	TVN	9.4	9.4	531760
16	VCB	58.7	59.22	4842940
17	VCG	15.8	15.87	2145680
18	VCK	30	30.21	2095550
19	VDS	11.9	12	728960
20	VND	16.4	16.58	10213480
21	VNM	61.2	61.93	3417300
22	VPL	76.6	77.29	573710
23	VTP	52.2	53.55	700420
24	VTZ	20.3	20.33	1072800



Cổ phiếu có giai đoạn tích lũy trong biên độ hẹp. Thông thường quá trình tích lũy càng lâu với Bollinger band co hẹp cực đại thì theo sau sẽ là giai đoạn biến động mạnh.

STT	Mã CK	Ngày	Giá đóng cửa	Giá thấp nhất 3T	Giá cao nhất 3T	Biên độ %	KLTB 5 phiên
1	SJD	03/09/2026	13.9	13.8	14.2	2.9	49,960
2	ODE	03/09/2026	46.2	45.4	47.2	3.96	17,640
3	VTZ	03/09/2026	20.3	20	20.9	4.5	1,089,920
4	PPT	03/09/2026	15.2	14.9	15.6	4.7	271,080
5	TCL	03/09/2026	29.4	29.1	30.55	4.98	14,640
6	MCP	03/09/2026	28	27	28.4	5.19	26,560
7	VSH	03/09/2026	41.45	40.53	42.94	5.95	7,080
8	DRL	03/09/2026	41.6	41	43.47	06.02	6,160
9	VNR	03/09/2026	18.1	17.4	18.6	6.9	9,680
10	QNS	03/09/2026	48.5	45.3	48.56	7.2	274,560
11	VNL	03/09/2026	18.75	18	19.3	7.22	9,640
12	VEA	03/09/2026	35.9	33.6	36.1	7.44	185,640
13	CQN	03/09/2026	29.9	29.2	31.4	7.53	45,180
14	ABI	03/09/2026	19.1	18.2	19.6	7.69	5,860
15	DHG	03/09/2026	95.9	89.9	97	7.9	8,160
16	NCT	03/09/2026	83.7	82.1	88.66	7.99	15,240
17	INN	03/09/2026	35.4	35	37.8	8	7,840
18	VCP	03/09/2026	23.6	22.5	24.3	8	8,980
19	SMB	03/09/2026	40.5	38	41.1	8.16	6,460
20	TYA	03/09/2026	16.9	16.2	17.54	8.27	5,700
21	SHI	03/09/2026	14.2	13.6	14.8	8.82	187,800
22	SVT	03/09/2026	10.65	10.1	11	8.91	11,620
23	SZB	03/09/2026	40.2	37	40.4	9.19	5,320
24	LBM	03/09/2026	27.95	26.9	29.5	9.67	29,420
25	FMC	03/09/2026	33.65	33	36.2	9.7	8,400
26	NBB	03/09/2026	17.2	16.4	18	9.76	19,420
27	GDT	03/09/2026	15.9	15.3	16.8	9.8	7,880



Trung tâm Phân tích và Tư vấn Đầu tư

Nguyễn Văn Thanh

Phụ trách khối Phân tích & Tự doanh

Email: thanhnv@apsc.vn

Phân tích cơ bản

Hoàng Ngọc Quyền

Chuyên viên phân tích

Email: quyenhn@apsc.vn

Chiến lược giao dịch

Nguyễn Văn Thiệu

Chuyên viên phân tích

Email: thieunv@apsc.vn

Cam kết phân tích

Chuyên viên phân tích trong báo cáo này cam kết rằng (1) quan điểm thể hiện trong báo cáo phân tích này phản ánh chính xác quan điểm cá nhân đối với chứng khoán và/hoặc tổ chức phát hành và (2) chuyên viên phân tích đã/ đang/sẽ được miễn trách nhiệm bồi thường trực tiếp hoặc gián tiếp liên quan đến khuyến nghị cụ thể hoặc quan điểm trong báo cáo phân tích này.

Khuyến nghị

CANH MUA Giá cổ phiếu hiện tại trong vùng mua tiềm năng. Ước tính tiềm năng tăng giá lớn hơn hoặc bằng 15 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.

CHỜ MUA Giá cổ phiếu hiện tại cao hơn vùng mua tiềm năng. Ước tính tiềm năng tăng giá lớn hơn hoặc bằng 15 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.

TRUNG LẬP Ước tính giá cổ phiếu có thể tăng/giảm 10 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.

CANH BÁN Ước tính tiềm năng giảm giá trên 10 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.



Tuyên bố trách nhiệm

Bản báo cáo và các tài liệu đi kèm chỉ phục vụ cho mục đích cung cấp thông tin tham khảo và được phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Alpha (APSC), một doanh nghiệp được cấp phép bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Những thông tin sử dụng trong báo cáo được thu thập từ những nguồn đáng tin cậy và APSC không chịu trách nhiệm về tính chính xác của chúng. Không một thông tin cũng như ý kiến nào được viết ra nhằm mục đích quảng cáo hay tác động đến bất kỳ chứng khoán nào. Bất kỳ quyết định đầu tư nào đều dựa trên đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo này cùng với các tài liệu đi kèm không thể được sử dụng làm bằng chứng trong bất kỳ tranh chấp pháp lý nào liên quan đến quyết định đầu tư.

© Copyright - Bản quyền thuộc về APSC. Báo cáo này không được phép sao chép tái bản bởi bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào khi chưa được phép của APSC. Người dùng có thể trích dẫn hoặc trình chiếu báo cáo cho các mục đích phi thương mại. APSC có thể có thỏa thuận cho phép sử dụng cho mục đích thương mại hoặc phân phối lại báo cáo với điều kiện người dùng trả phí cho APSC.

Công ty Cổ phần Chứng Khoán Alpha

Hội sở chính

Tầng 5, 14 Láng Hạ, P.Giảng Võ, TP. Hà Nội

Điện thoại: (024) 3933 4666

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 8, số 04/B1 lô 26 BC đường Lê Hồng Phong, Phường

Đông Khê, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

Điện thoại: 0913.399.635

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 5, Tòa nhà HDTC, 36 Bùi Thị Xuân, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 3535 2115

Chi nhánh Thanh Hoá

Sảnh tầng 1, khách sạn Lam Kinh, Khu đô thị Đông Hương, Phường Hạc

Thành, Tỉnh Thanh Hoá

Điện thoại: 0237 3515 009